

KHOẢNG CÁCH GIỮA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ CÁCH HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN

LƯU TRỌNG TUẤN*

Không hiểu những nét rất riêng trong từng cá nhân, thì sao có thể giúp họ hiệu quả được.

- Arthur Combs -

Khi các sinh viên chuyên ngành khoa học ở các lớp Anh ngữ được hỏi rằng “Các bạn có thích các giờ học tiếng Anh tổng quát không?” thì thật đáng buồn là chỉ có khoảng 40-50% các sinh viên trả lời là thích thật sự, số còn lại chỉ trả lời bằng sự im lặng. Đối với các lớp Anh ngữ chuyên ngành (ESP) thì sinh viên có thích thú hơn, con số trả lời tích cực lên đến 60-70%, và lý do cũng thật rõ ràng: sinh viên tìm thấy những thuật ngữ và những đoạn văn khoa học *có liên quan đến* ngành học của họ.

Mang đến cho người học những gì họ quan tâm là một cách để tạo nên *động cơ tự thân* nơi họ (intrinsic motivation), và điều đó đã lý giải sự khác biệt của 2 con số trên, nhưng tại sao không phải là 80-90%, mà chỉ ở mức 60-70% sinh viên thích lớp học Anh ngữ chuyên ngành? Không ít giáo viên tiếng Anh đã *tự lý giải* cho con số này là do *trình độ tiếng Anh của sinh viên*. Có những ngành như toán, tin học, vật lý, hóa học chủ yếu gồm sinh viên khá, giỏi được chọn vào, nên vốn tiếng Anh của họ khá hơn, vì thế họ hiểu và thích giờ học tiếng Anh. Nhưng sẽ lý giải thế nào khi quan sát một lớp học tiếng Anh ở một trường đại học dân lập, thật ồn ào và vui nhộn; các sinh viên mải mê tranh luận, không để ý một quan sát viên tình cờ là tôi; và nếu không đưa vào tiêu chí tuổi tác thì tôi không sao xác định được người thầy *hòa lẫn* giữa đám học trò. Chúng tôi đã hỏi sao người thầy đó lại không đứng trên bục giảng và anh thấy trình độ các em ở đây so với ở trường công lập như thế nào. Anh trả lời rằng anh muốn ở giữa học trò để hiểu họ và giúp họ, rồi anh dẫn câu nói của Tobias¹: “Các em không dốt, các em chỉ khác nhau thôi”. Anh dẫn chúng tôi đến từng nhóm khác nhau và giải thích: “Tôi giao cho nhóm này một quyển từ điển hóa học, vì cách học của họ là phải hiểu từ vựng trước rồi mới cùng nhau khám phá nghĩa của đoạn văn; nhưng nhóm kia thì lại khác, các em không có từ điển, tôi khuyến khích các em khám phá đại ý của đoạn văn, rồi ý nghĩa từng câu, và suy đoán nghĩa thuật ngữ”.

Corder² đã viết trong tác phẩm “Dạy và học tiếng Anh: Một sự gặp gỡ có tính xã

* TS. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. HCM

¹ Tobias, S. *They're Not Dumb, They're Different: Stalking the Second Tier*. Research Corporation, Tucson, 1990.

² Corder, S. P. *Language Teaching and Learning: A Social Encounter*. In Brown, Yorio, and Crymes (Eds.), *On TESOL*

hội” (Language Teaching and Learning: A Social Encounter):

Rốt cuộc thì sự thành công trong việc dạy và học ngôn ngữ phụ thuộc vào sự sẵn sàng hợp tác của người học và người dạy trong hoạt động lớp học, và sự thỏa thuận giữa họ về mục tiêu của lớp học. Hợp tác không thể áp đặt mà phải thỏa thuận với nhau (tr. 13).

Phương pháp giảng dạy của người giáo viên ấy đã “gặp gỡ” cách học của sinh viên. Anh đã hiểu cách người học muốn học và dạy cho họ theo cách mà họ mong muốn.

Cách học của người học là gì?

Cách học của người học (learning style) là:

- 1) “cách thức phức tạp và những điều kiện mà người học tiếp thu, xử lý, lưu trữ, và nhớ lại những điều mình đang cố học” (James & Gardner, tr. 20)³;
- 2) “tập hợp những yếu tố tư duy, cảm xúc, tính cách và sinh lý tương đối ổn định, thể hiện cách người học tiếp thu, tương tác và đáp ứng với môi trường học tập.” (Keefe, tr. 1-17)⁴

Các loại cách học

Có 4 loại cách học của người học trên cơ sở 4 câu hỏi sau:

1. Loại thông tin nào người học thích tiếp thu: thông qua giác quan (sensory) – hình ảnh, âm thanh, sờ chạm, hay thông qua trực giác (intuitive) – ký ức, ý tưởng, ý niệm?
Theo lý thuyết loại hình tâm lý, Jung⁵ trình bày hai cách thức mà con người cảm nhận thế giới xung quanh là thông qua giác quan và trực giác. Người cảm nhận thế giới qua giác quan có khuynh hướng cụ thể và lô gích, thích xử lý dữ liệu và thực nghiệm, song người dùng trực giác thường trừu tượng và giàu tưởng tượng, thích đào sâu vào những nguyên lý, khái niệm và lý thuyết.
2. Phương thức tiếp thu nào hiệu quả nhất: bằng hình ảnh (visual) – tranh, sơ đồ, biểu đồ, minh họa, hay bằng ngôn ngữ (verbal) – những thuật ngữ và định nghĩa công thức?
3. Cách xử lý thông tin nào người học ưa chuộng: tích cực (actively) – tham gia thảo luận trình bày, hay tư duy (reflectively) – dành thời gian suy nghĩ về thông

77, Washington, D. C., 1977.

³ James, W. B., & Gardner, D. L. Learning Styles: Implications for Distance Learning. *New Directions for Adult and Continuing Education*, 67, 1995, tr. 19-32.

⁴ Keefe, J. W. Learning Style: An Overview. In NASSP, *Student Learning Styles: Diagnosing and Prescribing Programs*. National Association of Secondary School Principals, Reston, VA, 1979.

⁵ Jung, C. G. *Psychological Types*. Princeton University Press, Princeton, 1971.

tin?

Theo Kolb⁶, quá trình tư duy phức tạp mà thông tin tiếp thu được chuyển hóa thành kiến thức có thể phân thành 2 loại: thực nghiệm tích cực (active experimentation) và quan sát tư duy (reflective observation). Quá trình xử lý tích cực là quá trình thảo luận, giải thích hay thực nghiệm thông tin, còn quá trình tư duy là quá trình xử lý thông tin bên trong tư duy người học. Người học tích cực hướng về thực nghiệm, chú trọng nói được ngôn ngữ hơn là nói ngôn ngữ chính xác và vì thế thường mắc nhiều lỗi khi nói, còn người học tư duy thường suy nghĩ về ngôn ngữ và tìm cách diễn đạt ý nghĩ chính xác.

4. Người học thực hiện cách nào để hiểu thông tin: từng phần (sequentially) – tìm hiểu chi tiết của thông tin, hay toàn thể (globally) – nhìn toàn thể thông tin và nắm bắt đại ý?

Mỗi người có một cách học ngoại ngữ riêng, và ngay cả trong mỗi người học, cách học không phải là một hiện tượng tĩnh lúc nào cũng hoạt động theo một hướng (theo Ehrman⁷). Lý thuyết tâm lý giáo dục đề xuất rằng nên xem cách học là hành động của người học hơn là khả năng của người học, vì thế nếu hôm nay giáo viên có thể đánh giá được cách học của một sinh viên, thì tuần sau cách học đó có thể khác đi rồi (theo Hyman & Rosoff, tr. 178-190)⁸. Cách học của người học được Gibson & Chandler⁹ mô tả là “vùng hài lòng hay hứng thú” của người học (learner’s comfort zone), có nghĩa là những điều kiện giáo dục giúp người học học tốt nhất.

Nghiên cứu của tác giả bài báo này trên 154 sinh viên chuyên ngành khoa học ở trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh qua bảng câu hỏi ở Phụ lục A và nhận được kết quả về cách học tiếng Anh của sinh viên như sau:

Bảng 1: Cách học của sinh viên (N = 154)

Các loại cách học		n	%
Tiếp thu	Bằng giác quan	65	42
	Bằng trực giác	89	58
Thông tin đầu vào	Bằng hình ảnh	102	66
	Bằng ngôn ngữ	52	34
Cách xử lý thông tin	Cách tích cực	87	56
	Cách tư duy	67	44
Cách nắm bắt thông tin	Từng phần	114	74
	Toàn thể	40	26

Kết quả này cho thấy sự khác biệt giữa cách học của sinh viên và phương pháp

⁶ Kolb, D. *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Prentice-Hall, Englewood Cliffs, NJ, 1984.

⁷ Ehrman, M. E. *Understanding Second Language Learning Difficulties*. SAGE Publications, California, 1996

⁸ Hyman, R., & Rosoff, B. *Matching Learning and Teaching Styles: The Jug and What's in it*. Random House, New York, 1987.

⁹ Gibson, J. T. & Chandler, L. A. *Educational Psychology – Mastering Principles and Applications*. Allyn and Bacon, Boston, 1988.

giảng dạy của giáo viên, trong đó có đến 6 giáo viên (75%) vẫn đang dùng phương pháp thuyết trình theo cách trực giác, bằng ngôn ngữ, cách tư duy và từng phần, và chỉ có 2 giáo viên (25%) áp dụng phương giảng dạy thông qua hình ảnh và toàn thể:

Bảng 2: Cách học và cách dạy trong lớp học

Cách học của sinh viên	Cách dạy của giáo viên	
	Phương pháp thuyết trình (6 giáo viên)	Phương pháp giao tiếp (2 giáo viên)
Bảng trực giác (58%)	Bảng trực giác	Bảng trực giác
Bảng hình ảnh (66%)	Bảng ngôn ngữ	Bảng hình ảnh
Tích cực (56%)	Cách tư duy	1 giáo viên theo cách tư duy, 1 giáo viên theo cách tích cực
Từng phần (74%)	Từng phần	Toàn thể

Cách học của người học phản ánh mẫu hành vi văn hóa (cultural behavior pattern), và tương tự như các hành vi khác, có thể thay đổi do rèn luyện. Vì thế, theo Reid¹⁰, cách học của người học chỉ là “những thói quen hơi khó thay đổi chứ không phải là những thuộc tính sinh học không chỉnh sửa được”. Qua rèn luyện và hướng dẫn của giáo viên, những phong cách học tiềm thức hay vô thức đó có thể trở thành những chiến lược học tập có ý thức. Sau đây là chiến lược giảng dạy (teaching strategies) Felder¹¹ đề nghị áp dụng cho những cách học đặc thù của sinh viên:

1. *Thúc đẩy động cơ học tập*: dạy những nội dung mới (từ vựng, những qui tắc ngữ pháp) trong những ngữ cảnh sinh viên thấy liên quan đến những kinh nghiệm bản thân cũng như nghề nghiệp, trong quá khứ hay mơ ước tương lai, hơn là dạy những nội dung bắt sinh viên ráng nhớ (đối với người học bằng trực giác).
2. *Cân đối giữa thông tin cụ thể* (định nghĩa từ vựng, những qui tắc chia động từ, và phù hợp chủ từ-động từ) (đối với người học bằng giác quan) và *những thông tin khái niệm* (những mẫu cú pháp và ngữ nghĩa, đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt) (đối với người học bằng trực giác).
3. *Tận dụng tối đa phương tiện hình ảnh*: Dùng ảnh chụp, tranh, phác họa, và tranh hoạt hình để minh họa nghĩa từ vựng. Chiếu phim, video, và đóng kịch để minh họa bài học (đối với người học bằng hình ảnh).

¹⁰ Reid, J. The Learning Style Preferences of ESL Students. *TESOL Quarterly*, 21/1, 1987, tr. 87-111.

¹¹ Felder, R. M. Reaching the Second Tier: Learning and Teaching Styles in College Science Education. *J. College Science Teaching*, 23(5), 1993, tr. 286-290.

4. *Bài luyện tập* để luyện từ vựng và văn phạm căn bản (cách học bằng giác quan), nhưng đừng lạm dụng (cách học bằng trực giác).
5. *Không lấp đầy từng phút trong lớp học bằng bài thuyết trình và viết lên bảng.* Hãy dành thời gian – dù ngắn thôi – cho sinh viên suy nghĩ về những điều họ vừa được nghe (cách học tư duy). Đưa ra câu hỏi và vấn đề để sinh viên thảo luận theo nhóm; thực hành đối thoại và tiểu phẩm; tổ chức những cuộc thi giữa các đội (cách học tích cực).
6. *Cho sinh viên được chọn lựa bạn để làm bài cùng nhau.* Người học tích cực thường học tốt nhất khi họ tương tác với người học khác; nếu họ không được làm bài chung với bạn, họ đã bị tước đi một phương tiện học hiệu quả nhất.

Dạy học là một nghề thú vị với những phương pháp giảng dạy mới mở rộng vai trò của giáo viên và mang đến cho giáo viên sự đa dạng trong cách giúp sinh viên học (Xem Larsen-Freeman¹²). Chìa khóa để lôi cuốn sinh viên vào hoạt động lớp học chính là hiểu cách học mà sinh viên thích. Chính vì thiếu sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy của giáo viên và cách học của sinh viên mà sinh viên không hứng thú với hoạt động của lớp học và trở thành những nhân vật thụ động để cho giáo viên đơn phương diễn thuyết.

¹² Larsen-Freeman, D. Expanding Roles of Learners and Teachers in Learner-Centered Instruction, 1998.

PHỤ LỤC A: BẢNG THĂM DÒ CÁCH HỌC CỦA NGƯỜI HỌC

Các bạn sinh viên thân mến,

Bảng thăm dò này nhằm tìm hiểu cách học của sinh viên trong các lớp học tiếng Anh. Thông tin các bạn cung cấp trong bảng thăm dò sẽ được giữ kín tuyệt đối. Xin dành chút thời gian trả lời các câu hỏi trong bảng câu hỏi. Rất cảm ơn các bạn.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên họ:
2. Tuổi:
3. Giới tính: ☐ nam ☐ nữ
4. Bạn học tiếng Anh được bao lâu?

II. TÌM HIỂU CÁCH HỌC

Khoanh tròn “a” hay “b” để trả lời các câu hỏi. Xin chỉ chọn **MỘT** câu trả lời cho mỗi câu hỏi.

Nếu cả hai câu “a” và “b” đều có vẻ phù hợp với bạn, xin hãy chọn câu chỉ cách bạn *thường làm hơn*.

1. Tôi hiểu một điều rõ hơn sau khi tôi
 - a. thử nghiệm/thực hành điều đó.
 - b. ngẫm nghĩ về điều đó.
2. Tôi thích được xem là một người
 - a. thực tế.
 - b. thích cải tiến.
3. Khi tôi nghĩ về điều tôi làm ngày hôm qua, trong đầu tôi thường hình thành
 - a. một hình ảnh.
 - b. những câu từ.
4. Tôi thường
 - a. hiểu các chi tiết của một vấn đề, nhưng có thể mơ hồ về bố cục toàn thể.
 - b. hiểu bố cục toàn thể nhưng có thể mơ hồ về chi tiết của vấn đề.
5. Khi tôi đang học một điều mới, tôi thấy hiệu quả hơn khi
 - a. thảo luận về điều đó.
 - b. suy nghĩ về điều đó.
6. Nếu tôi là thầy/cô giáo, tôi thích dạy một chương trình
 - a. chứa đựng những sự kiện và tình huống thực tế.
 - b. chứa đựng những tư tưởng và học thuyết.
7. Tôi thích thu thập thông tin mới qua
 - a. tranh ảnh, sơ đồ, biểu đồ, hay bản đồ.
 - b. những chỉ dẫn bằng câu từ viết ra hay truyền miệng.

8. Một khi tôi hiểu
 - a. tất cả các thành phần, tôi hiểu tổng thể.
 - b. tổng thể, tôi hiểu được cách các thành phần gắn vào nhau.
9. Khi tham gia tìm hiểu một tài liệu khó cùng với nhóm học tập, tôi thường
 - a. hăng hái đóng góp ý kiến.
 - b. ngồi yên lắng nghe.
10. Tôi thấy
 - a. học các sự kiện/tình huống dễ hơn.
 - b. học các khái niệm dễ hơn.
11. Khi đọc một quyển sách có nhiều tranh ảnh và biểu đồ, tôi thường
 - a. nghiên cứu kỹ các bức tranh và biểu đồ.
 - b. đọc các đoạn viết.
12. Khi tôi giải quyết các vấn đề
 - a. tôi thường tìm cách đi đến các giải pháp bằng một bước.
 - b. tôi thường tìm hiểu các giải pháp, nhưng rồi phải cố tìm ra các bước để đi đến các giải pháp đó.
13. Trong các lớp học tôi tham dự
 - a. tôi quen biết nhiều bạn.
 - b. tôi không quen nhiều bạn.
14. Khi đọc sách khoa học, tôi thích
 - a. học được những sự kiện mới hay một phương pháp mới.
 - b. tìm được những tư tưởng mới để suy ngẫm.
15. Tôi thích những thầy/cô
 - a. trình bày nhiều sơ đồ trên bảng.
 - b. dành nhiều thời gian giải thích cho sinh viên.
16. Khi tôi phân tích một câu chuyện hay một quyển tiểu thuyết
 - a. tôi suy nghĩ về những tình tiết rồi cố ráp chúng lại với nhau để tìm ra chủ đề.
 - b. khi đọc xong, tôi chỉ nắm chủ đề là gì, và rồi đọc trở lại để tìm ra những tình tiết trình bày chủ đề đó.
17. Khi tôi gặp khó khăn trong bài làm, tôi thường
 - a. bắt tay tìm giải pháp ngay.
 - b. cố tìm hiểu vấn đề cho kỹ càng trước.
18. Tôi thích
 - a. những điều thực tế.
 - b. lý thuyết.
19. Tôi nhớ nhiều nhất
 - a. khi tôi nhìn thấy.
 - b. khi tôi nghe trình bày.
20. Đối với tôi, điều quan trọng hơn là thầy/cô giáo
 - a. sắp xếp nội dung bài giảng theo một trật tự rõ ràng.

- b. mang đến cho tôi một bức tranh toàn cảnh và cho thấy mối liên quan giữa nội dung đó với các môn học khác.
- 21. Tôi thích học
 - a. theo nhóm.
 - b. một mình.
- 22. Tôi thường được mọi người cho là
 - a. người tỉ mỉ trong công việc
 - b. sáng tạo trong công việc.
- 23. Khi tôi tìm đường đến một địa điểm, tôi thích
 - a. dùng bản đồ.
 - b. đọc những chỉ dẫn viết.
- 24. Tôi học tập
 - a. khá đều đặn. Nếu tôi học chăm, tôi sẽ nắm được kiến thức.
 - b. không liên tục. Tôi sẽ hoàn toàn bối rối nhưng rồi bất chợt mọi điều sáng ra và tôi hiểu.
- 25. Tôi thích
 - a. thử trước.
 - b. trước hết suy nghĩ về cách tôi sẽ thực hiện.
- 26. Khi tôi đọc để giải trí, tôi thích những nhà văn
 - a. nêu rõ điều họ muốn nói.
 - b. nêu lên sự việc một cách sáng tạo và thú vị.
- 27. Trong lớp học, khi tôi xem một sơ đồ hay một phác họa, tôi thường nhờ
 - a. hình ảnh.
 - b. giải thích của thầy/cô giáo về hình ảnh đó.
- 28. Khi tôi xem xét một lượng thông tin, tôi thường
 - a. chú ý đến các chi tiết và bỏ qua hình ảnh tổng thể.
 - b. cố hiểu hình ảnh tổng thể trước khi đi vào chi tiết.
- 29. Tôi dễ nhớ
 - a. điều tôi đã làm.
 - b. điều tôi suy ngẫm thật nhiều.
- 30. Khi tôi phải thực hiện một công việc, tôi thích
 - a. am hiểu một cách thực hiện.
 - b. nghĩ ra nhiều cách để thực hiện công việc.
- 31. Khi có những dữ liệu, tôi thích
 - a. xem những biểu đồ và đồ thị.
 - b. đọc phần tóm tắt kết quả.
- 32. Khi viết một bài luận, tôi thường
 - a. nghĩ và viết phần đầu của bài viết rồi đi tiếp.
 - b. nghĩ và viết các phần của bài viết rồi sắp xếp chúng lại với nhau.
- 33. Khi tôi phải cùng thực hiện một đề án nhóm, trước tiên tôi muốn

- a. có một buổi “động não” cùng nhau để mọi người cùng đóng góp ý kiến.
 - b. mỗi người tự “động não” rồi ngồi lại với nhau để so sánh ý tưởng.
34. Tôi thấy nên gọi một người là
- a. rất hiểu biết.
 - b. có trí tưởng tượng phong phú.
35. Khi tôi gặp mọi người ở một bữa tiệc, tôi thường nhớ
- a. dáng vẻ của họ.
 - b. những điều họ nói về họ.
36. Khi tôi học một môn học mới, tôi thích
- a. tập trung vào môn học đó, học càng nhiều càng tốt về môn học đó.
 - b. liên hệ môn học đó với các môn học có liên quan.
37. Tôi thường được mọi người cho là
- a. người hoạt bát dễ gần.
 - b. quá kín đáo.
38. Tôi thích những khóa học nhấn mạnh
- a. nội dung cụ thể (dữ kiện, dữ liệu).
 - b. nội dung trừu tượng (các khái niệm, lý thuyết).
39. Để giải trí, tôi thích
- a. xem ti-vi (các chương trình truyền hình).
 - b. đọc sách.
40. Một số giáo viên bắt đầu bài giảng bằng một dàn bài về những điều sẽ trình bày. Những dàn bài như vậy
- a. cũng có ích cho tôi.
 - b. rất có ích cho tôi.
41. Ý tưởng làm việc theo nhóm với chỉ một điểm số cho cả nhóm
- a. tôi rất thích.
 - b. tôi không thích chút nào.
42. Khi tôi phải tính toán lâu,
- a. tôi thường lập lại tất cả các bước và kiểm tra kỹ lưỡng công việc mình làm.
 - b. tôi chán cái việc kiểm tra lại và phải ép mình làm việc đó.
43. Tôi thường hình dung ra những nơi tôi đã từng đến
- a. dễ dàng và khá chính xác.
 - b. rất khó khăn và không rõ ràng.
44. Khi giải quyết các vấn đề theo nhóm, tôi thường
- a. nghĩ đến các bước trong quá trình thực hiện giải pháp.
 - b. nghĩ đến những hậu quả có thể xảy ra, hay áp dụng giải pháp trên bình diện rộng.